

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Công Danh.

2. Ông Nguyễn Chí Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2018/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp “ *Ly hôn* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXX-ST, ngày 15 tháng 3 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M Y, huyện B L, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Lê Nguyễn T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 1, xã M Y, huyện B L, tỉnh Long An.

(Chị P có mặt tại phiên tòa, anh T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C P trình bày trong đơn khởi kiện cũng như tại Tòa án và nộp các tài liệu chứng cứ yêu cầu giải quyết như sau:

Chị Nguyễn Thị C P, anh Lê Nguyễn T xác lập quan hệ hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M Y, huyện B L, tỉnh Long An theo giấy đăng ký kết hôn số 97, ngày 19/12/2014.

Sau khi cưới, vợ chồng sống chung bên gia đình của anh T được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân khoảng vài tháng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống và anh T không cùng chị chăm lo cuộc sống gia đình. Nay chị P không thể tiếp tục chung sống với anh T và yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị P, anh T chung sống có 01 con chung tên Lê T H, sinh ngày 31/3/2015. Hiện tại chị P đang trực tiếp tiếp nuôi dưỡng con chung. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh T chung sống không có tài sản chung.

Nợ chung: Vợ chồng chung sống cũng không có nợ ai và cũng không ai nợ hai anh chị.

Tài liệu chứng cứ chị P cung cấp cho Tòa án gồm: 01 giấy chứng nhận kết hôn; 01 giấy khai sinh con chung; Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu.

Bị đơn anh Lê Nguyễn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 15/3/2018 trình bày thống nhất với chị P về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị P xin ly hôn, anh T thuận tình.

Về nuôi con chung: Anh và chị P chung sống sinh được 01 con chung như lời trình bày của chị P là đúng. Sau khi ly hôn, anh T đồng ý để cho chị P tiếp tục nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Anh T xác định không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C P không rút đơn khởi kiện ly hôn với anh Lê Nguyễn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị C P khởi kiện ly hôn với anh Lê Nguyễn T, sinh năm 1994, địa chỉ ấp 1, xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ Điều 28; Điểm a Khoản 1 các Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn*”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Anh Lê Nguyễn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt theo qui định pháp luật.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Chị Nguyễn Thị C P, anh Lê Nguyễn T xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của chị P đối với anh T, Hội đồng xét xử xét thấy hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Vợ chồng có thời gian chung sống với nhau rất ngắn, không đảm bảo hạnh phúc. Do bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và những mâu thuẫn nhỏ nhưng hai anh chị không tìm được biện pháp giải quyết mà sống ly thân. Chị P quyết định nộp đơn khởi kiện ly hôn được anh T thuận tình. Từ đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C P, anh Lê Nguyễn T.

[5] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị P yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Hiếu và anh T cũng thống nhất cho chị P được tiếp tục nuôi con chung. Do đó, giao cháu Lê T H, sinh ngày 31/3/2015 cho chị Nguyễn Thị C P được tiếp tục nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến. Anh Lê Nguyễn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con theo qui định của pháp luật.

[6] Tài sản chung; nợ chung: Anh T, chị P đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều a Khoản 1 các Điều 35; Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 9; Điều 55; Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị C P với anh Lê Nguyễn T.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C P với anh Lê Nguyễn T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê T H, sinh ngày 31/3/2015 cho chị Nguyễn Thị C P trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Nguyễn T không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo qui định pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp phí tổn nuôi con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Khấu trừ tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 06228 ngày 02/3/2018 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí sung quỹ Nhà nước.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Lê Nguyễn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- UBND xã M Y;
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hoàng